TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và ông Bùi Đình Sỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh ngày 12/02/1995; nơi ĐKTT: thôn T (T), xã C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ơ: Số A đường E-ri, xã G, huyện D, thành phố D, Hàn Quốc. Xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L và cộng sự; địa chỉ: Ngõ D D, phường P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Văn T1 – Giám đốc điều hành. Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Bà Đặng Ánh N – Nhân viên. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn P, sinh ngày 12/12/1994; căn cước công dân số: 042094004777; địa chỉ: thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N (N là xã C), tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 16/06/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được môt thời gian, sau đó vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, sau đó anh P lại sang Tây Ban Nha, chị T ở lại Hàn Quốc, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi vả. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái. Đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay con ở với ông bà nội Hoàng Văn T2 và Nguyễn Thị N1. Nay vợ chồng ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao con cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; chị sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.850.000 đồng/tháng, nếu anh P không đồng ý mức cấp dưỡng như trên thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh P đang ở nước ngoài thì đề nghị Tòa án tạm giao cháu K cho ông bà nội nuôi dưỡng đến khi anh P về nước.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Trần Thị T có yêu cầu Tòa án không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

**Đối với bị đơn anh Hoàng Văn P:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 148/QLXNC- Đ1 ngày 29/4/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thể hiện: "Anh Hoàng Văn P, sinh ngày 12/12/1994, HKTT tại thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh ngày 06/10/2022 qua cửa khẩu S bằng HC C9797002, không thấy thông tin nhập cảnh về nước". Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh P và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh P ở thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của ban đối ngoại (VOV5) cho anh P biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (16h56 ngày 15/5/2026, 11h00 ngày 16/5/2026 và ngày 17/5/2026) để anh P về giải quyết vụ án nhưng anh P không có mặt theo thông báo của Tòa án. Ngày 18/5/2026 Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Trần Thị N2 là mẹ đẻ anh Hoàng Văn P, thông qua cuộc gọi mesenger giữa bà N2 và anh P ghi nhận ý kiến của anh P như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác định vợ chồng kết hôn tự nguyện hợp pháp năm 2016, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung ở nhà chồng, sau đó vợ

chồng xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, năm 2023 anh P sang Tây Ban Nha, cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, đến năm 2024 thì mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng sống xa cách, không có tiếng nói chung, nay không còn tình cảm với nhau nên đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017, hiện nay cháu đang ở với ông bà nội. Nay vợ chồng ly hôn anh P có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và đồng ý với ý kiến chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng đến khi con trưởng thành. Trong thời gian anh P không ở nhà, bà Nguyễn Thị N1 sẽ nuôi dưỡng cháu và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con từ chị T thay cho anh P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ anh Hoàng Văn P) trình bày:*

Bà N1 là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn P; anh Hoàng Văn P và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N (N là xã C), tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 16/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh P lại đi sang nước Tây Ban Nha, việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào gia đình không rõ. Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017, hiện nay cháu đang ở với ông bà nội ở thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay anh P đang lao động tại nước ngoài và chưa về nước nhưng cụ thể anh làm công việc gì, tại địa chỉ nào thì anh không thông báo cho gia đình biết. Mặc dù vậy, người thân trong gia đình và anh P vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội mesenger, zalo... Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho anh P biết và anh P đã biết việc chị T đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Ngoài ra bà N1 còn có ý kiến về việc tự nguyện nuôi cháu trong thời gian anh P đang lao động ở nước ngoài và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con thay cho anh P.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như hai phiên tòa là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 70, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thu ly H anh Hoàng Văn P.

+ Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh P đi vắng thì bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ anh P) sẽ chăm sóc nuôi dưỡng cháu, chị T có quyền được thăm nom con chung không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T mỗi tháng 1.850.000 đồng kể từ ngày xét xử, phương thức hàng tháng chị T gửi tiền cho bà N1.

+ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hoàng Văn P. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Hoàng Văn P có nơi đăng ký thường trú tại thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày bị đơn anh Hoàng Văn P đang sinh sống và lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Phòng quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin xuất nhập cảnh về anh P. Tại Công văn số 148/QLXNC - Đ1, ngày 29/4/2026 của Phòng Q - Công an tỉnh H xác nhận anh "Anh Hoàng Văn P, sinh ngày 12/12/1994, HKTT tại thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh ngày 06/10/2022 qua cửa khẩu S bằng HC C9797002, không thấy thông tin nhập cảnh về nước". Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, còn bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn và người tham gia tố tụng khác có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn P trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 16/6/2016 tại UBND xã X, huyện N (nay là xã C), tỉnh Hà Tĩnh, được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện N (Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh do chị T giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau một người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị sống xa cách về địa lý, có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh P lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian sau đó sống ly thân đến nay; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, chị T và anh P hiện đều đang ở nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; chị T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và anh P cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T và anh P đồng ý ly hôn nhau là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị T, anh P và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh P có một con chung là cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017, hiện nay cháu K đang ở cùng với ông bà nội. Chị T, anh P đều có yêu cầu sau khi ly hôn thì giao con chung cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay chị T, anh P đều đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cháu K đang sinh sống cùng ông bà nội, được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, cháu K có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn nhau. Anh P có ý kiến nhờ cha mẹ nuôi dưỡng cháu K trong thời gian anh đi nước ngoài, khi về nước anh P sẽ nhận nuôi dưỡng con. Bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ anh P đồng ý nuôi dưỡng cháu giúp anh P. Xét thấy anh P có nguyện vọng nuôi dưỡng con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và yêu cầu của chị T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về học tập và sinh hoạt của con chung nên giao con chung cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trong thời gian anh P ở nước ngoài thì bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ anh P) sẽ chăm sóc nuôi dưỡng cháu là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.850.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[4].Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 70, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thu ly H anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Hoàng Minh K, sinh ngày 18/8/2017 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh Hoàng Văn P ở nước ngoài, bà Nguyễn Thị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh K1 cho đến khi anh P về Việt Nam. Chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.850.000 đồng kể từ ngày xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000586 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Cổ Đạm;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng